TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2026
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cụt Xuân Ninh
Bà Lô Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Vân- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Võ Trọng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lô Thị B, sinh năm 1991 (Có đơn xét xử vắng mặt).
Trú tại: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An.
2. Bị đơn: Anh Kha Văn L, sinh năm 1991 (Có đơn xét xử vắng mặt).
Trú tại: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Lô Thị B trình bày:

- Về tình cảm: Chị Lô Thị B và anh Kha Văn L tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2010. Chị B và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) vào ngày 28 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, cũng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Đến năm 2024 thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng vì con mà cố gắng

hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, lâu dần vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, nên vợ chồng quyết định sống ly thân với nhau từ giữa năm 2024, hai bên gia đình đã thống nhất cho vợ chồng ly hôn. Nay bản thân chị B đã hết tình cảm với anh L, không thể tiếp tục với cuộc hôn nhân này nữa nên chị B có nguyện vọng ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị B và anh L có 02 con chung là cháu Kha Thị Bảo S, sinh ngày 25/3/2017 và cháu Kha Thị Hoài A, sinh ngày 22/02/2019 hiện cháu đang sống với anh L tại bản Can, xã T, tỉnh Nghệ An. Bản thân chị B rất muôn nuôi con nhưng do các cháu muốn sống với anh L, chị B và anh L cũng đã thống nhất về con chung. Nên nếu ly hôn đặt ra chị B có nguyện vọng giao cháu Kha Thị Bảo S và cháu Kha Thị Hoài A cho anh Kha Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành; về cấp dưỡng: Chị B và anh L tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lô Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 5 năm 2026 bị đơn anh Kha Văn L trình bày:

- Tình cảm: Anh Kha Văn L và chị Lô Thị B tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2010. Anh L và chị B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) vào ngày 28 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, cũng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Đến năm 2024 thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, bản thân anh L cũng đã níu kéo chị B rất nhiều lần nhưng chị B không đồng ý quay về đoàn tụ, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, nên vợ chồng quyết định sống ly thân với nhau từ giữa năm 2024. Nay chị B có nguyện vọng ly hôn với anh L thì anh L đồng ý.

- Con chung: Anh L và chị B có 02 con chung là cháu Kha Thị Bảo S, sinh ngày 25/3/2017 và cháu Kha Thị Hoài A, sinh ngày 22/02/2019 hiện cháu đang sống với anh L tại bản Can, xã T, tỉnh Nghệ An. Các cháu từ nhỏ do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu hiện đang sinh sống ổn định với gia đình anh L, bản thân anh L không muốn thay đổi môi trường sống của các cháu. Nên nếu ly hôn đặt ra anh L có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kha Thị Bảo S và cháu Kha Thị Hoài A cho cho đến khi các cháu trưởng thành; về cấp dưỡng: Anh L không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Kha Thị Bảo S ngày 14/5/2026: Cháu Kha Thị Bảo S có nguyện vọng sống với anh Kha Văn L.

Tại biên bản lấy lời kháu Kha Thị Hoài A ngày 14/5/2026: Cháu Kha Thị Hoài A có nguyện vọng sống với anh Kha Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Lô Thị B cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lô Thị B và anh Kha Văn L; Con chung: Giao cháu Kha Thị Bảo S, sinh ngày 25/3/2017 và cháu Kha Thị Hoài A, sinh ngày 22/02/2019 cho anh Kha Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Lô Thị B; Tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lô Thị Bích .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Kha Văn L đăng ký thường trú tại Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lô Thị B và bị đơn anh Kha Văn L thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 11 - Nghệ An. Bị đơn, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị B và anh L kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 38/2010 ngày 28 tháng 12 năm 2010 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị B và anh L trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau thậm tệ, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân với nhau từ giữa năm

2024, chị B cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh L và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Chị B khởi kiện ly hôn thì anh L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị B và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lô Thị B và anh Kha Văn L theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao.

[3.2] Con chung: Chị B và anh L có 02 con chung là cháu Kha Thị Bảo S, sinh ngày 25/3/2017 và cháu Kha Thị Hoài A, sinh ngày 22/02/2019 và anh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kha Thị Bảo S, cháu Kha Thị Hoài A cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị B đồng ý giao cháu Kha Thị Bảo S, cháu Kha Thị Hoài A cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Cháu Kha Thị Bảo S, cháu Kha Thị H có nguyện vọng sống với anh L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu cháu Kha Thị Bảo S, sinh ngày 25/3/2017 và cháu Kha Thị Hoài A, sinh ngày 22/02/2019 cho anh Kha Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị B. Chị B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Lô Thị B, anh Kha Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lô Thị B và anh Kha Văn L.

2. Con chung: Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Kha Thị Bảo S, sinh ngày 25/3/2017 và cháu Kha Thị Hoài A, sinh ngày 22/02/2019 cho anh Kha Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị B;

- Chị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lô Thị Bích .

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11, Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Thái;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái